**PHỤ LỤC 8**

**KHỐI NGÀNH KINH TẾ, KẾ TOÁN VÀ NGOẠI NGỮ**

1. **YÊU CẦU VÀ ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP** 
   1. **Yêu cầu**
      1. **Nội dung**

Khóa luận tốt nghiệp là một chuyên khảo mang tính tổng hợp sau khi kết thúc chương trình đào tạo. Thể hiện khả năng của sinh viên trong việc vận dụng những kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết vấn đề thực tiễn một cách độc lập trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Yêu cầu Kết quả học tập (KQHT):

1. Xây dựng, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện được đề cương nghiên cứu.

2. Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu và thu thập số liệu.

3. Tổng hợp, xử lý số liệu, phân tích và viết báo cáo.

4. Phát triển khả năng trình bày và bảo vệ quan điểm, chính kiến của bản thân trước Hội đồng đánh giá.

* + 1. **Cấu trúc**

Cấu trúc của Khóa luận TN được sắp xếp theo thứ tự:

* Trang bìa
* Trang bìa lót
* Quyết định giao KLTN
* Phiếu theo dõi tiến độ và đánh giá KLTN của CBHD
* Lời cam đoan
* Lời cảm ơn
* Tóm tắt khóa luận
* Mục lục
* Danh mục bảng biểu, hình vẽ, các từ viết tắt
* **Đối với đề tài theo truyền thống (cấu trúc 3 chương):**

+ Mở đầu (Tính cấp thiết của đề tài, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của đề tài, cấu trúc của đề tài);

+ Chương 1. Cơ sở lý thuyết về vấn đề nghiên cứu (Trình bày các khái niệm, cơ sở lý thuyết liên quan đến đề tài, hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp phân tích, kinh nghiệm trong và ngoài nước);

+ Chương 2. Phân tích thực trạng vấn đề nghiên cứu (Giới thiệu tổng quan về đơn vị, phân tích thực trạng của vấn đề nghiên cứu, phân tích/đánh giá kết quả nghiên cứu);

+ Chương 3. Các giải pháp (Trình bày các giải pháp đề xuất dựa trên phân tích và đánh giá thực trạng);

+ Kết luận (Trình bày các kết luận chính rút ra từ kết quả nghiên cứu).

* **Đối với đề tài theo hướng định lượng (cấu trúc 5 chương):**

+ Chương 1: Giới thiệu (Tính cấp thiết của đề tài, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của đề tài, cấu trúc của đề tài);

+ Chương 2. Tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết (Các khái niệm, cơ sở lý thuyết liên quan đến đề tài, các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan, khung phân tích của nghiên cứu, các giả thuyết của nghiên cứu);

+ Chương 3. Phương pháp nghiên cứu (Cách tiếp cận nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu/qui mô mẫu, dữ liệu thu thập, công cụ phân tích dữ liệu);

+ Chương 4. Kết quả nghiên cứu (Các kết quả nghiên cứu và thảo luận về kết quả nghiên cứu đạt được);

+ Chương 5. Kết luận và gợi ý chính sách (Trình bày các kết luận chính rút ra từ kết quả nghiên cứu và gợi ý chính sách/khuyến nghị).

* Danh mục tài liệu tham khảo
* Phụ lục (nếu có).

Khối lượng và hình thức trình bày Khóa luận TN theo quy định chung của trường về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện công tác tốt nghiệp trình độ đại học hệ chính quy.

* + 1. **Kiểu trích dẫn tài liệu**

Sử dụng một cách trích dẫn thống nhất theo hệ thống Harvard, dạng “Tên tác giả - Năm xuất bản” (Tham khảo Quy định về Đạo đức và Liêm chính học thuật của Nhà Trường).

* 1. **Cách thức đánh giá (theo rubric)**
     1. **Đánh giá chung**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cán bộ** | **Nội dung và tỷ lệ (%)** | | | | |
| 1 | **Cán bộ hướng dẫn (CBHD)** | Xây dựng đề cương | 20 | Xây dựng đề cương | 70 |
| Hoàn thành đúng hạn | 30 |
| 2 | Chuyên cần | 30 | Sự hiện diện tại đơn vị thực tập | 50 |
| Thực hiện, theo dõi, ghi chép … | 50 |
| 3 | Hoàn thiện | 50 | Tổng hợp và xử lý số liệu | 30 |
| Khả năng viết và trình bày | 30 |
| Đánh giá kết quả nghiên cứu | 30 |
| Hoàn thành đúng hạn | 10 |
| 4 | **Cán bộ phản biện** | Chấm phản biện | 100 | Hình thức | 40 |
| Nội dung | 60 |
| 5 | **Hội đồng bảo vệ** | Bảo vệ | 100 | Nội dung | 60 |
| Trình bày | 20 |
| Trả lời câu hỏi | 20 |
| 6 | **Đánh giá chung** | Điểm của Khóa luận TN = (Điểm của CBHD x 1 + Điểm của CBPB x 2 + Điểm trung bình của HĐBV x 3)/6. | | | | |

* + 1. **Đánh giá chi tiết**

1. **Xây dựng đề cương**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **KQHT** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Không đạt** |
| 10 – 8,5 | 8,4 – 7,0 | 6,9 – 5,0 | < 5 |
| Xây dựng đề cương | 1 | 70 | Có đầy đủ: Tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu và kế hoạch thực hiện | Chỉ có: nội dung, phương pháp nghiên cứu và kế hoạch thực hiện | Chỉ có: nội dung và phương pháp nghiên cứu | Thiếu phương pháp nghiên cứu |  |
| Hoàn thành đúng hạn | 1 | 30 | ≤ 1 tuần sau khi phân công | ≤ 2 tuần sau khi phân công | ≤ 3 tuần sau khi phân công | > 3 tuần sau khi phân công |  |
| **Tổng cộng** | | | | | | |  |

1. **Chuyên cần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **KQHT** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Không đạt** |
| 10 – 8,5 | 8,4 – 7,0 | 6,9 – 5,0 | < 5 |
| Hiện diện tại đơn vị thực tập | 2 | 50 | Hiện diện > 90% thời gian kế hoạch. | Hiện diện > 80% thời gian kế hoạch. | Hiện diện > 70% thời gian kế hoạch. | Hiện diện < 70% thời gian kế hoạch. |  |
| Thực hiện, theo dõi, ghi chép dữ liệu | 2 | 50 | Thực hiện đầy đủ, theo dõi sát, ghi chép rõ ràng, chính xác. | Thực hiện đầy đủ, theo dõi sát, ghi chép đầy đủ. | Thực hiện đầy đủ, theo dõi và ghi chép chưa đầy đủ. | Không thực hiện đầy đủ, theo dõi và ghi chép chưa đạt. |  |
| **Tổng cộng** | | | | | | |  |

1. **Hoàn thiện Khóa luận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **KQHT** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Không đạt** |
| **10 – 8,5** | **8,4 – 7,0** | **6,9 – 5,0** | **< 5** |
| Tổng hợp và xử lý số liệu | 3 | 30 | Biết tổng hợp và biết cách xử lý số liệu, biết sử dụng các phương pháp thống kê, hiểu kết quả thống kê. | Biết tổng hợp và biết cách xử lý số liệu nhưng không hiểu rõ kết quả thống kê. | Biết tổng hợp nhưng không biết cách xử lý số liệu, không hiểu kết quả thống kê. | Số liệu không rõ ràng, không đầy đủ. |  |
| Khả năng viết và trình bày | 3 | 20 | Viết và trình bày rõ ràng, logic. Chỉnh sửa ≤ 2 lần. | Viết và trình bày rõ ràng, chưa logic. Chỉnh sửa ≤ 3 lần. | Viết và trình bày chưa rõ ràng, không logic. Chỉnh sửa ≤ 4 lần. | Không có khả năng viết và trình bày. kết quả Chỉnh sửa >5 lần. |  |
| Đánh giá kết quả | 3 | 40 | Có kiến thức tốt khi đánh giá kết quả; thảo luận có cơ sở; đưa ra nhận xét và đề nghị hợp lý. | Có kiến thức tốt khi đánh giá kết quả; ít thảo luận; nhận xét và đề nghị chưa hợp lý. | Có kiến thức khi đánh giá kết quả; không thảo luận; nhận xét và đề nghị chưa hợp lý. | Kiến thức sai và nhận xét kết quả không đúng. |  |
| Hoàn thành đúng hạn | 3 | 10 | Nộp đúng hạn. | Nộp trước thời gian gia hạn 3 ngày. | Nộp đúng thời gian gia hạn. | Nộp sau gia hạn. |  |
| **Tổng cộng** | | | | | | |  |

1. **Chấm phản biện**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **KQHT** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Không đạt** |
| 10 – 8,5 | 8,4 – 7,0 | 6,9 – 5,0 | < 5 |
| Hình thức | 3 | 40 | Trình bày đúng format qui định; cân đối giữa các phần, không có lỗi chính tả, có hình ảnh minh họa rõ ràng, chính xác. | Trình bày đúng format qui định; chưa cân đối giữa các phần hoặc có ***khá nhiều*** lỗi chính tả, hình ảnh minh họa không rõ ràng. | Trình bày không hoàn toàn đúng với format; ***nhiều*** lỗi chính tả, ***không*** có hình minh họa. | Trình bày sai nhiều so với format; ***không*** đủ các phần; ***quá nhiều*** lỗi chính tả, ***không*** hình ảnh minh họa. |  |
| Nội dung | 1,2,3 | 60 | Đạt yêu cầu của một Khóa luận TN *(tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, tổng quan, phương pháp nghiên cứu, kết quả, kết luận và kiến nghị, tài liệu tham khảo);* chính xác về mặt khoa học, lập luận lô-gich. | Đạt yêu cầu của một Khóa luận TN; chính xác về mặt khoa học; nhưng lập luận có độ chặt chẽ ***không cao***. | Đạt yêu cầu của một Khóa luận TN; chính xác về mặt khoa học; nhưng lập luận ***chưa*** chặt chẽ. | Không đạt yêu cầu của một Khóa luận TN; ***không*** chính xác về mặt khoa học và lập luận ***không*** chặt chẽ. |  |
| **Tổng cộng** | | | | | | |  |

1. **Bảo vệ Khóa luận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **KQHT** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Không đạt** |
| 10 – 8,5 | 8,4 – 7,0 | 6,9 – 5,0 | < 5 |
| Trình bày | 4 | 20 | Trình bày rõ ràng, đầy đủ, mạch lạc, tự tin, đúng thời gian qui định. | Trình bày rõ ràng, đầy đủ, ***chưa*** mạch lạc, ***ít*** tự tin, ***quá*** thời gian qui định (1-2 phút). | Trình bày rõ ràng, đầy đủ, ***chưa*** mạch lạc, ***không*** tự tin, ***quá*** thời gian qui định (3-4 phút). | Trình bày ***không*** rõ ràng, ***không*** đầy đủ, ***không*** mạch lạc, ***thiếu*** tự tin, ***quá*** thời gian qui định (5 phút). |  |
| Nội dung | 1,2,3 | 40 | Đặt vấn đề và mục tiêu rõ ràng, đúng chuyên ngành; phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu chính xác; độ tin cậy ***cao***; kết quả ***tốt***; thảo luận ***chặt chẽ***; kết luận ***đầy đủ*** và kiến nghị ***hợp lý***. | Đặt vấn đề và mục tiêu rõ ràng, đúng chuyên ngành; phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu chính xác; độ tin cậy ***chưa*** cao; kết quả ***chưa*** tốt; thảo luận ***chưa*** chặt chẽ; kết luận ***còn thiếu*** và kiến nghị ***chưa*** hợp lý. | Đặt vấn đề và mục tiêu rõ ràng, đúng chuyên ngành; phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu chính xác; độ tin cậy ***thấp***; kết quả ***chưa*** tốt; ***không*** thảo luận; kết luận ***không giá trị*** và kiến nghị ***không*** hợp lý. | Đặt vấn đề và mục tiêu ***không*** rõ ràng, ***không*** đúng chuyên ngành; phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu ***không*** chính xác; không tin cậy; kết quả ***không*** tốt, ***không*** thảo luận; |  |
| Trả lời câu hỏi | 4 | 40 | Nắm vững nội dung và vấn đề liên quan; trả lời đúng kiến thức câu hỏi > 80%. | Nắm vững nội dung; trả lời đúng kiến thức câu hỏi > 60%. | Nắm được nội dung; trả lời đúng kiến thức câu hỏi > 40%. | Chưa nắm vững nội dung; trả lời sai kiến thức câu hỏi > 50%. |  |
| **Tổng cộng** | | | | | | |  |

1. **Điểm của Khóa luận**

Điểm của Khóa luận TN = (Điểm của CBHD x 1 + Điểm của CBPB x 2 + Điểm trung bình của HĐBV x 3)/6.

*Trong đó,*

- Điểm của CBHD = Điểm mục 1 x 20% + điểm mục 2 x 30% + điểm mục 3 x 50%.

- Điểm của CBPB = Điểm mục 4.

- Điểm trung bình của HĐBV = (Tổng điểm của **n** thành viên trong HĐ theo mục 5)/**n**.

1. **YÊU CẦU VÀ ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ/BÁO CÁO TỐT NGHIỆP**
   1. **Yêu cầu**
      1. **Nội dung**

Chuyên đề/Báo cáo tốt nghiệp là một báo cáo mang tính tổng hợp sau khi kết thúc chương trình đào tạo. Thể hiện khả năng của sinh viên trong việc vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình.

Yêu cầu Kết quả học tập (KQHT):

1. Xây dựng, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện được đề cương.

2. Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu và thu thập số liệu.

3. Phân tích số liệu và viết báo cáo.

* + 1. **Cấu trúc**

Cấu trúc của Chuyên đề/Báo cáo TN được sắp xếp theo thứ tự:

* Trang bìa
* Trang bìa lót
* Mục lục
* Danh mục bảng biểu, hình vẽ, các từ viết tắt
* Mở đầu (Tính cấp thiết của đề tài, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của đề tài, cấu trúc của đề tài);
* Chương 1. Cơ sở lý thuyết (Trình bày các khái niệm, cơ sở lý thuyết liên quan đến đề tài, hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp phân tích);
* Chương 2. Phân tích thực trạng (Giới thiệu tổng quan về đơn vị, phân tích/đánh giá thực trạng của vấn đề nghiên cứu/qui trình công việc);
* Chương 3. Các giải pháp/ kiến nghị (Trình bày các giải pháp/kiến nghị đề xuất dựa trên kết quả phân tích/đánh giá thực trạng);
* Kết luận (Trình bày các kết luận chính rút ra từ kết quả nghiên cứu).
* Danh mục tài liệu tham khảo
* Phụ lục (nếu có).

Khối lượng chuyên đề/báo cáo TN khoảng 30-50 trang A4. Hình thức trình bày chuyên đề TN theo quy định chung của trường.

* + 1. **Kiểu trích dẫn tài liệu**

Sử dụng một cách trích dẫn thống nhất theo hệ thống Harvard, dạng “Tên tác giả - Năm xuất bản” (Tham khảo Quy định về Đạo đức và Liêm chính học thuật của Nhà Trường).

* 1. **Cách thức đánh giá (theo rubric)**
     1. **Đánh giá chung**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cán bộ** | **Nội dung và tỷ lệ (%)** | | | | |
| 1 | **Cán bộ hướng dẫn (CBHD)** | Xây dựng đề cương | 20 | Xây dựng đề cương | 70 |
| Hoàn thành đúng hạn | 30 |
| 2 | Chuyên cần | 30 | Sự hiện diện tại đơn vị thực tập | 50 |
| Thực hiện, theo dõi, ghi chép … | 50 |
| 3 | Hoàn thiện | 50 | Tổng hợp và xử lý số liệu | 30 |
| Khả năng viết và trình bày | 30 |
| Đánh giá kết quả nghiên cứu | 30 |
| Hoàn thành đúng hạn | 10 |
| 4 | **Cán bộ chấm** | Chấm điểm | 100 | Hình thức | 40 |
| Nội dung | 60 |
| 5 | **Đánh giá chung** | Điểm của Chuyên đề/Báo cáo TN = Trung bình của (Điểm của CB chấm 1, Điểm của CB chấm 2). | | | | |

* + 1. **Đánh giá chi tiết**

1. **Xây dựng đề cương**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **KQHT** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Không đạt** |
| 10 – 8,5 | 8,4 – 7,0 | 6,9 – 5,0 | < 5 |
| Xây dựng đề cương | 1 | 70 | Có đầy đủ: Tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu và kế hoạch thực hiện. | Chỉ có: nội dung, phương pháp nghiên cứu và kế hoạch thực hiện. | Chỉ có: nội dung và phương pháp nghiên cứu. | Thiếu phương pháp nghiên cứu. |  |
| Hoàn thành đúng hạn | 1 | 30 | ≤ 1 tuần sau khi phân công. | ≤ 2 tuần sau khi phân công. | ≤ 3 tuần sau khi phân công. | > 3 tuần sau khi phân công. |  |
| **Tổng cộng** | | | | | | |  |

1. **Chuyên cần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **KQHT** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Không đạt** |
| 10 – 8,5 | 8,4 – 7,0 | 6,9 – 5,0 | < 5 |
| Hiện diện tại đơn vị thực tập | 2 | 50 | Hiện diện > 90% thời gian kế hoạch. | Hiện diện > 80% thời gian kế hoạch. | Hiện diện > 70% thời gian kế hoạch. | Hiện diện < 70% thời gian kế hoạch. |  |
| Thực hiện, theo dõi, ghi chép dữ liệu | 2 | 50 | Thực hiện đầy đủ, theo dõi sát, ghi chép rõ ràng, chính xác. | Thực hiện đầy đủ, theo dõi sát, ghi chép đầy đủ. | Thực hiện đầy đủ, theo dõi và ghi chép chưa đầy đủ. | Không thực hiện đầy đủ, theo dõi và ghi chép chưa đạt. |  |
| **Tổng cộng** | | | | | | |  |

1. **Hoàn thiện chuyên đề/báo cáo thực tập TN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **KQHT** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Không đạt** |
| 10 – 8,5 | 8,4 – 7,0 | 6,9 – 5,0 | < 5 |
| Tổng hợp và xử lý số liệu | 3 | 30 | Biết tổng hợp và biết cách xử lý số liệu, biết sử dụng các phương pháp thống kê, hiểu kết quả thống kê. | Biết tổng hợp và biết cách xử lý số liệu nhưng không hiểu rõ kết quả thống kê. | Biết tổng hợp nhưng không biết cách xử lý số liệu, không hiểu kết quả thống kê. | Số liệu không rõ ràng, không đầy đủ. |  |
| Khả năng viết và trình bày | 3 | 20 | Viết và trình bày rõ ràng, logic. Chỉnh sửa ≤ 2 lần. | Viết và trình bày rõ ràng, chưa logic. Chỉnh sửa ≤ 3 lần. | Viết và trình bày chưa rõ ràng, không logic. Chỉnh sửa ≤ 4 lần. | Không có khả năng viết và trình bày. kết quả Chỉnh sửa >5 lần. |  |
| Đánh giá kết quả | 3 | 40 | Có kiến thức tốt khi đánh giá kết quả; thảo luận có cơ sở; đưa ra nhận xét và đề nghị hợp lý. | Có kiến thức tốt khi đánh giá kết quả; ít thảo luận; nhận xét và đề nghị chưa hợp lý. | Có kiến thức khi đánh giá kết quả; không thảo luận; nhận xét và đề nghị chưa hợp lý. | Kiến thức sai và nhận xét kết quả không đúng. |  |
| Hoàn thành đúng hạn | 3 | 10 | Nộp đúng hạn. | Nộp trước thời gian gia hạn 3 ngày. | Nộp đúng thời gian gia hạn. | Nộp sau gia hạn. |  |
| **Tổng cộng** | | | | | | |  |

1. **Chấm phản biện**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **KQHT** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức chất lượng** | | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | | **Khá** | **Trung bình** | **Không đạt** |
| 10 – 8,5 | | 8,4 – 7,0 | 6,9 – 5,0 | < 5 |
| Hình thức | 3 | 40 | Trình bày đúng format qui định; cân đối giữa các phần, không có lỗi chính tả, có hình ảnh minh họa rõ ràng, chính xác. | Trình bày đúng format qui định; chưa cân đối giữa các phần hoặc có ***khá nhiều*** lỗi chính tả, hình ảnh minh họa không rõ ràng. | | Trình bày không hoàn toàn đúng với format; ***nhiều*** lỗi chính tả, ***không*** có hình minh họa. | Trình bày sai nhiều so với format; ***không*** đủ các phần; ***quá nhiều*** lỗi chính tả, ***không*** hình ảnh minh họa. |  |
| Nội dung | 1,2,3 | 60 | Đạt yêu cầu của một Khóa luận TN *(tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung, tổng quan, phương pháp nghiên cứu, kết quả, kết luận và kiến nghị, tài liệu tham khảo);* chính xác về mặt khoa học, lập luận lô-gich. | Đạt yêu cầu của một Khóa luận TN; chính xác về mặt khoa học; nhưng lập luận có độ chặt chẽ ***không cao***. | | Đạt yêu cầu của một Khóa luận TN; chính xác về mặt khoa học; nhưng lập luận ***chưa*** chặt chẽ. | Không đạt yêu cầu của một Khóa luận TN; ***không*** chính xác về mặt khoa học và lập luận ***không*** chặt chẽ. |  |
| **Tổng cộng** | | | | | | | |  |

1. **Điểm của Chuyên đề/Báo cáo thực tập TN**

* **Đối với Chuyên đề TN:**

Điểm của Chuyên đề TN = (Điểm của CBHD x 1 + Điểm của CB chấm1 x 2 + Điểm của CB chấm2 x 2)/5.

* **Đối với Báo cáo thực tập TN:**

Điểm của Chuyên đề/Báo cáo thực tập TN = Trung bình cộng của 2 CB chấm độc lập./.